

Mẫu số 01

BÁO CÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG

(Mô hình Công ty độc lập, Công ty mẹ - Tập đoàn, Tổng Công ty)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/05/2021 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính)

6 THÁNG NĂM 2021

D: Ghi số dư các khoản mục, P: Ghi số phát sinh trong kỳ báo cáo

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay/ Số cuối kỳ	Năm trước/ Số đầu kỳ
1. Nợ phải thu khó đòi		D (đồng)	23,505,233,018	23,505,233,018
a) Nợ phải thu khó đòi phát sinh trong năm		P(đồng)		
b) Nợ phải thu khó đòi đã xử lý trong năm		P (đồng)		
2. Vay và nợ ngắn hạn trong nước		D (đồng)	58,411,687,411	68,537,641,976
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		D (đồng)	58,411,687,411	68,537,641,976
b) Các khoản vay và nợ ngắn hạn còn lại		D (đồng)		
3. Vay và nợ ngắn hạn nước ngoài		D (đồng)	-	-
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		D (đồng)		
b) Các khoản vay ngắn hạn khác còn lại		D (đồng)		
4. Vay và nợ dài hạn trong nước		D (đồng)	-	-
a) Vay dài hạn các NHTM, TCTD		D (đồng)		
b) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)		D (đồng)		
c) Thuế tài chính dài hạn trong nước		D (đồng)		
d) Các khoản vay dài hạn trong nước khác		D (đồng)		
5. Vay và nợ dài hạn nước ngoài		D (đồng)	-	-
a) Vay lại vốn ODA của Chính phủ		D (đồng)		
b) Vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh		D (đồng)		
c) Vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả		D (đồng)		
d) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)		D (đồng)		
e) Các khoản vay nước ngoài còn lại		D (đồng)		
6. Vốn điều lệ		D (đồng)	416,123,000,000	416,123,000,000
7. Thuế và các khoản phát sinh còn phải nộp NSNN năm trước chuyển sang			(3,295,788,292)	6,980,152,757
8. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN		P (đồng)	10,836,134,863	33,655,838,627
a) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh nội địa		P (đồng)	6,534,419,653	30,353,974,720
b) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh XNK		P (đồng)	4,301,715,210	3,301,863,907
c) Lợi nhuận/cổ tức phát sinh phải nộp NSNN		P (đồng)		
9. Thuế và các khoản phát sinh đã nộp NSNN		P (đồng)	12,067,375,647	43,931,779,676
- Trong đó: Lợi nhuận/cổ tức đã nộp NSNN		P (đồng)		10,014,310,265
10. Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN chuyển năm sau		D (đồng)	(4,527,029,076)	(3,295,788,292)

TP.HCM, Ngày 02 tháng 08 năm 2021

Tổng Giám đốc



TRƯỜNG VĂN HIỂN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/06/2021

TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN

CÔNG TY TNHH MTV

MST: 0 3 0 3 1 5 8 1 5 5

(Không bao gồm số liệu công ty con)

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	TRANG
1.	BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 3
2.	BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
3.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
	- Bảng cân đối kế toán	6 - 9
	- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
	- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
	- Thuyết minh các báo cáo tài chính	13 - 30



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng Công Ty Văn Hóa Sài Gòn - Công ty TNHH MTV trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/06/2021.

1- Khái quát về Công ty

Tổng Công Ty Văn Hóa Sài Gòn là doanh nghiệp nhà nước (từ tháng 1 đến tháng 8/2010); là Công ty TNHH MTV (từ tháng 9 đến tháng 12). Công ty được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4106000014 đăng ký lần đầu ngày 03/12/2003, đăng ký thay đổi số 0303158155 ngày 23/08/2010, thay đổi lần thứ 4 ngày 24/10/2013, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 07/09/2015 do Sở kế hoạch đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4106000014 đăng ký lần đầu ngày 03/12/2003, lĩnh vực hoạt động của Công ty là: Hoạt động in ấn: in trên giấy, bao bì, văn hóa phẩm các loại (báo chí, vé số, nhãn hàng hóa, sách giáo khoa). Kinh doanh giấy in, mực in, vật tư, phụ tùng, trang thiết bị ngành in. Sản xuất, sửa chữa, bảo trì, tân trang và kinh doanh các máy móc cơ khí ngành in. Đúc chữ, chế bản in. Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm băng từ, đĩa hình như băng cassette, băng video, đĩa CD, VCD. Kinh doanh vật phẩm văn hóa các loại. Sản xuất kinh doanh các sản phẩm mỹ thuật như gỗ chạm, sơn mài, gốm sứ,... Sản xuất phim nhựa, phim video các thể loại. Hoạt động chiếu bóng và phát hành phim. Sản xuất và kinh doanh trong lĩnh vực nhiếp ảnh như giấy ảnh, phim chụp, máy ảnh, dịch vụ chụp hình. Xuất nhập khẩu các sản phẩm văn hóa. Hoạt động quảng cáo và dịch vụ quảng cáo. Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác. Hoạt động in ấn: in tờ gấp, tờ quảng cáo, catalogue, tạp chí và các chất liệu in khác. Gia công cắt giấy cuộn. Vận chuyển máy móc thiết bị cơ khí ngành in. Mua bán trang thiết bị âm thanh, ánh sáng, hàng điện tử, kim khí điện máy. Sản xuất đĩa DVD (có nội dung được phép lưu hành), linh kiện sản xuất băng, đĩa nhạc. Lắp ráp hàng điện tử, kim khí điện máy. Mua bán quần áo may sẵn trẻ em, thủ công mỹ nghệ, đồ gỗ gia dụng, đồ nhựa các loại, thủy tinh các loại. Mua bán, sản xuất chế biến lương thực, thực phẩm công nghệ, hóa mỹ phẩm, đồ dùng trẻ em, đồ dùng gia đình, thiết bị văn phòng. Sản xuất mua bán nhựa, hạt màu và bao bì nhựa các loại (không sản xuất, chế biến thực phẩm tươi sống, thực phẩm công nghệ, chất tẩy rửa tại trụ sở). Mua bán rượu, bia, bánh kẹo, thuốc lá điều sản xuất trong nước. Đại lý ký gởi hàng hóa. Kinh doanh nhà hàng ăn uống (không kinh doanh tại Tp. Hồ Chí Minh). Phục vụ cả phê sách – tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp – nhạc jazz và nhạc dân gian Việt Nam (hoạt động tại số 28 Lê Lợi, P. Bến Nghé, Q.1). Bán tranh hội họa. Xuất bản các xuất bản phẩm theo quyết định số 01/QĐ-BVHTT ngày 04/01/2005 của Bộ Văn Hóa Thông Tin. Thiết kế tạo mẫu. Cho thuê văn phòng làm việc, nhà xưởng, kho bãi (chỉ thực hiện đối với những dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt). Nhà hàng ăn uống (tại số 40 Ngõ Đức Kế, P. Bến Nghé, Q.1, không kinh doanh rượu).

Bán buôn sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành). Kinh doanh khách sạn (phải đạt tiêu chuẩn sao và không kinh doanh khách sạn tại trụ sở). Xây dựng nhà các loại. Bán buôn văn phòng phẩm. Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ, đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội). Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Hoạt động phục vụ hôn lễ (trừ môi giới kết hôn).

Trụ sở chính của Công ty: 88 Trần Đình Xu, P.Cô Giang, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh..

Các chi nhánh trực thuộc:

- Văn phòng Tổng Công ty Văn Hóa Sài Gòn
- Công ty Xuất nhập khẩu Ngành In Tp. Hồ Chí Minh
- Công ty In Văn Hóa Sài Gòn
- Trung tâm văn hóa Tân Định
- Cây sứ quán Phong Cua
- Cửa hàng ảnh màu photo Lập
- Trung tâm dịch vụ giải trí Lê Lợi

Báo cáo tài chính của Tổng Công ty Văn Hóa Sài Gòn đã bao gồm các đơn vị trực thuộc nêu trên và chưa hợp nhất với công ty con - Công ty TNHH MTV Phim Nguyễn Đình Chiểu.

TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV

88 Trần Đình Xu, P.Cô Giang, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh.

2- Thông tin về tài khoản ngân hàng:

• TK USD số 6222201001057	tại Agribank - CN Quận 5
• TK JPY số 6222201001483	tại Agribank - CN Quận 5
• TK EUR số 6222201006832	tại Agribank - CN Quận 5
• TK VND số 6222201132243	tại Agribank - CN Quận 5
• TK VND số 6222201001011	tại Agribank - CN Quận 5
• TK VND số 2011103226006	tại Mbbank - CN Bắc Sài Gòn
• TK VND số 102010000103765	tại Vietinbank - CN1 HCM
• TK USD số 102020000012972	tại Vietinbank - CN1 HCM
• TK VND số 0687041054999	tại Bản Việt bank - Trụ sở chính
• TK VND số 0010106186710002	tại SCBbank - CN Cống Quỳnh
• TK VND số 14510000040126	tại BIDV - CN 30/04
• TK VND số 6222201009401	tại NH NN & PT Nông thôn - CN Quận 5
• TK VND số 0020100000095002	tại NH TMCP Phương Đông - CN Bến Thành
• TK VND số 0010106058330001	tại SCB - CN Cống Quỳnh
• TK VND số 1114000034026	tại Ngân hàng VietinBank - CN Nam Sài Gòn
• TK VND số 6222201002095	tại Ngân hàng Agribank - CN Quận 5
• TK VND số 6222630031460	tại Ngân hàng Agribank - CN Quận 5

3- Các sự kiện trong kỳ hoạt động, các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính:

Không có

4- Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát tại ngày lập Báo cáo tài chính:

Các thành viên Hội đồng thành viên đang tại chức vào ngày lập báo cáo này gồm:

Ông: Nguyễn Hồng Hà	Chủ tịch HĐQT
Ông: Trương Văn Hiền	Thành viên HĐQT

Các thành viên Ban Tổng Giám Đốc đang tại chức vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Trương Văn Hiền	Tổng giám đốc
Ông: Nguyễn Văn Hoạch	Phó Tổng giám đốc
Ông: Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm Soát đang tại chức vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà: Phan Thị Mỹ Ngân	Kiểm soát viên
----------------------	----------------

5- Kết quả hoạt động kinh doanh trong 06 tháng đầu năm 2021 (Đơn vị tính : VND)

- Tổng thu nhập	:	101.661.222.333
- Các khoản giảm trừ doanh thu	:	-
- Tổng chi phí và giá vốn	:	100.606.124.673
- Lãi/(lỗ) trước thuế	:	1.055.097.660
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	:	104.156.116
- Lãi/(lỗ) sau thuế	:	950.941.544



TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV

88 Trần Đình Xu, P.Cô Giang, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh.

6- Kiểm toán viên

Chi nhánh miền Nam Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K là Công ty kiểm toán được lựa chọn và bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

7- Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/06/2021. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho kỳ hoạt động tiếp theo.
- Kể từ ngày báo cáo kiểm toán được phát hành, ban giám đốc có trách nhiệm xem xét những ý kiến đóng góp của công ty kiểm toán trên thư quản lý đính kèm báo cáo kiểm toán này.

Ban giám đốc công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2021, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám Đốc

Tổng Giám Đốc *Nguyễn Văn Hiến*



TRƯỞNG VĂN HIẾN

Ngày 27 tháng 07 năm 2021



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K CHI NHÁNH MIỀN NAM

THANG LONG – T.D.K AUDITING & VALUATION CO.,LTD (SOUTHERN BRANCH)

Office: C14, Quang Trung, P.11, Q. Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84.28) 3589 7462/ 63 - (84.28) 2216 4309

Fax: (84.28) 3589 7464

Email: kiemtoantdk@gmail.com

Website: www.kiemtoanthanglongtdk.com.vn

Số: 05321/TDK-KT

Ngày 27 tháng 07 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021 từ 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021
của Tổng Công Ty Văn Hóa Sài Gòn - Công ty TNHH MTV

*Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công Ty Văn Hóa Sài Gòn
Công ty TNHH MTV*

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công Ty Văn Hóa Sài Gòn - Công ty TNHH MTV (Không bao gồm số liệu công ty con và đã bao gồm số liệu của các đơn vị trực thuộc) (sau đây gọi tắt là Công ty) cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2021 được lập ngày 10/07/2021 từ trang 6 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Trụ sở chính : Sân KT-TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT CAHN, Phường Yên Hòa,
Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Tel: 024.4450 0668 Fax: 024.4450 0669

Chi nhánh Miền Nam : C14, Quang Trung, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.3589 7462 Fax: 028.3589 7464

Chi nhánh Đồng Nai : E180 Võ Thị Sáu, Phường Thống Nhất, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai

Tel: 0251.3918 769 Fax: 0251.3918 767

Chi nhánh Đà Nẵng : Số 42 Trần Tống, Phường Thạc Gián, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Tel: 0236.365 1818 Fax: 236 365 1868

Chi nhánh Hà Nội : Số 97, Ngõ 141, Phố Giáp Nhị, Phường Thịnh Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

Tel: 024.3540.9439 Fax: 024.3540 9439

Chi nhánh Lạng Sơn : Số 319 Bà Triệu, Phường Vĩnh Trại, TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn

Tel: 0205.3718 545 Fax: 0205.3716 264

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Do ảnh hưởng tình hình dịch Covid -19 thành phố quy định giãn cách xã hội, vì vậy chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho và thu thập đầy đủ thư xác nhận công nợ của Công ty. Ngoài ra, chúng tôi không thể sử dụng các biện pháp thay thế khác để khẳng định tính hiện hữu của khoản mục này tại ngày 30/06/2021. Vì vậy, chúng tôi chỉ kiểm tra tính hợp lý của các khoản mục này trên cơ sở chứng từ, sổ sách và các tài liệu liên quan do Công ty cung cấp.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng đã nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công Ty Văn Hóa Sài Gòn - Công ty TNHH MTV tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



ĐÀO THỊ LINH NGUYỄN

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 3907-2017-045-1



NGUYỄN VÕ HƯNG THỊNH

Phó Giám đốc Chi nhánh Miền Nam

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 2826-2020-045-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm Toán & Định Giá Thăng Long T.D.K



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		253.752.310.208	274.404.808.903
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	22.534.196.222	35.565.180.062
1. Tiền	111		7.534.196.222	20.565.180.062
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	15.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.000.000.000	10.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	10.000.000.000	10.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		166.860.621.612	173.927.330.192
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	108.921.606.305	124.966.988.448
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.05	15.222.795.940	4.550.074.840
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	48.968.421.868	48.814.697.776
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.03	(6.252.202.501)	(4.404.430.872)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	49.893.326.904	52.744.956.107
1. Hàng tồn kho	141		51.932.180.855	54.783.810.058
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(2.038.853.951)	(2.038.853.951)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.464.165.470	2.167.342.542
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	2.678.215.779	1.366.767.801
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		800.790.290	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	985.159.401	800.574.741
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
1	2	3	4	5
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		870.960.366.500	885.353.198.386
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		150.147.963.198	154.328.242.712
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.05	18.025.367.505	18.025.367.505
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.06	-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.06	132.122.595.693	136.302.875.207
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		508.543.392.707	518.603.762.922
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	508.462.227.643	518.516.321.198
- Nguyên giá	222		671.468.780.731	684.741.174.134
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(163.006.553.088)	(166.224.852.936)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	81.165.064	87.441.724
- Nguyên giá	228		148.885.000	148.885.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(67.719.936)	(61.443.276)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		8.830.254.003	8.830.254.003
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.08	8.830.254.003	8.830.254.003
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	135.270.744.648	135.270.744.648
1. Đầu tư vào công ty con	251		4.854.084.002	4.854.084.002
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		114.565.470.646	114.565.470.646
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		15.751.190.000	15.751.190.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(500.000.000)	(500.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		600.000.000	600.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		68.168.011.944	68.320.194.101
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	68.168.011.944	68.320.194.101
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.124.712.676.708	1.159.758.007.289

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
1	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		688.562.517.706	724.558.789.831
I. Nợ ngắn hạn	310		85.178.829.408	113.660.092.538
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	10.230.857.849	30.169.773.138
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	6.893.083.152	3.619.972.401
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	139.472.436	385.338.270
4. Phải trả người lao động	314		1.056.508.475	3.919.998.911
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.885.370.756	13.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	3.543.676.190	3.388.446.488
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	58.411.687.411	68.537.641.976
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.018.173.139	3.625.921.354
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		603.383.688.298	610.898.697.293
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18	158.427.369.040	161.134.005.874
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17	443.523.634.494	448.312.033.471
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.432.684.764	1.452.657.948

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
1	2	3	4	5
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		436.150.159.002	435.199.217.458
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	436.150.159.002	435.199.217.458
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		394.167.633.424	394.167.633.424
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		263.230.853	263.230.853
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		43.648.905.002	43.648.905.002
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.929.610.277)	(2.880.551.821)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.124.712.676.708	1.159.758.007.289

Kế Toán Trưởng



HUỲNH THANH TƯỜNG KHANH

Ngày 10 tháng 07 năm 2021

Tổng Giám Đốc



TRƯƠNG VĂN HIẾN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	95.950.556.372	78.573.127.770
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	-	5.600.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		95.950.556.372	78.567.527.770
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	72.071.404.820	60.536.750.353
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.879.151.552	18.030.777.417
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	894.259.968	733.696.302
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	2.431.337.983	1.148.383.952
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.431.337.983	1.148.383.952
8. Chi phí bán hàng	25	VI.08	5.413.997.125	3.929.588.542
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	20.457.097.917	16.857.733.127
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.529.021.505)	(3.171.231.902)
11. Thu nhập khác	31	VI.06	4.816.405.993	4.176.796.477
12. Chi phí khác	32	VI.07	232.286.828	77.779.732
13. Lợi nhuận khác	40		4.584.119.165	4.099.016.745
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.055.097.660	927.784.843
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	104.156.116	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		950.941.544	927.784.843

Ghi chú: Năm 2019, 2020 công ty chưa kiểm tra quyết toán thuế

Kế Toán Trưởng



HUỲNH THANH TƯỜNG KHANH

Ngày 10 tháng 07 năm 2021

Tổng Giám Đốc



TRƯƠNG VĂN HIỀN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		110.421.832.875	74.145.610.153
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(91.757.202.550)	(53.659.286.243)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(11.146.218.696)	(11.025.013.349)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(1.754.090.441)	(2.516.606.733)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	(877.559.408)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		42.143.107.484	22.524.131.853
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(73.891.377.294)	(44.262.694.472)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(25.983.948.622)	(15.671.418.199)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(11.900.000)	(1.393.154.046)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.670.381.581	4.065.603.208
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.658.481.581	2.672.449.162
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		85.351.610.114	36.678.251.809
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(76.057.126.913)	(22.344.828.091)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(10.014.310.265)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		9.294.483.201	4.319.113.453

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
1	2	3	4	5
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(13.030.983.840)	(8.679.855.584)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		35.565.180.062	33.550.826.459
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		22.534.196.222	24.870.970.875

Ngày 10 tháng 07 năm 2021

Kế Toán Trưởng



HUỲNH THANH TƯỜNG KHANH

Tổng Giám Đốc



TRƯƠNG VĂN HIỀN

3-007
 ANH
 NAM
 Y TNH
 A ĐINH
 LON
 K
 HỒ C

TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

(Thẻ hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công Ty Văn Hóa Sài Gòn là doanh nghiệp nhà nước (từ tháng 1 đến tháng 8/2010); là Công ty TNHH MTV (từ tháng 9 đến tháng 12). Công ty được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4106000014 đăng ký lần đầu ngày 03/12/2003, đăng ký thay đổi số 0303158155 ngày 23/08/2010, thay đổi lần thứ 6 ngày 17/09/2015 do Sở kế hoạch đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

2. Lĩnh vực kinh doanh: sản xuất, gia công, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh: kinh doanh giấy in, mực in, vật tư, thiết bị ngành in, hoạt động in ấn, sửa chữa máy móc...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không có.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách các công ty con: Công ty TNHH MTV Phim Nguyễn Đình Chiểu
- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết
 - + Công ty TNHH MTV Vật Phẩm Văn Hóa Sài Gòn
 - + Công ty CP TT Điện Ảnh
 - + Công ty CP In số 4
 - + Công ty CP In số 7
 - + Công ty TNHH TMDV VH Minh Châu
 - + Công ty TNHH Hakuhodo - Sac
 - + Công ty TNHH Hakuhodo Việt Nam
 - + Công ty CP Bao Bì Vafaco
 - + Công ty CP Phát hành sách Tp.HCM
 - + Công ty CP In & Vật tư Sài Gòn
 - + Công ty CP In Gia Định
 - + Công ty CP Quảng cáo Sài Gòn
 - + Công ty CP In Vườn Lài
 - + Công ty CP In Hoàng Lê Kha - Tây Ninh
 - + Công ty CP Mỹ Thuật Sài Gòn
 - + Công ty TNHH Quả Cầu Vàng
 - + Công ty CP Sách & DV VH Tây Đô
- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:
 - + Văn phòng Tổng Công ty Văn Hóa
 - + Công ty In Văn Hóa Sài Gòn
 - + Công ty Xuất Nhập Khẩu Ngành In Tp.Hồ Chí Minh
 - + Trung tâm văn hóa Tân Định
 - + Cửa hàng ảnh màu photo Lập
 - + Cây sứ quán Phong Cua
 - + Trung tâm dịch vụ giải trí Lê Lợi

Báo cáo tài chính của Tổng Công ty Văn Hóa Sài Gòn đã bao gồm các đơn vị trực thuộc nêu trên và chưa hợp nhất với công ty con - Công ty TNHH MTV Phim Nguyễn Đình Chiểu.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty được lập đảm bảo tính có thể so sánh được theo quy định của Luật kế toán hiện hành.



TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021 bắt đầu từ ngày 01/01/2021 kết thúc vào ngày 30/06/2021.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thường xuyên giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thường xuyên giao dịch.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

3.1. Nguyên tắc đánh giá Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

3.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

3.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Tài sản dài hạn.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

5.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

5.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 07 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm
- Các tài sản hữu hình khác	04 - 07 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán bao gồm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ từ 2 năm.

TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

(Thẻ hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập Báo cáo tài chính, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Nợ dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng biếu sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được biếu, tặng này và các khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên Bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

11. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối theo quy định tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về Đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn tài sản tại doanh nghiệp.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

12.1. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

12.2. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

13.1. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;



TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13.2. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

16. Các loại thuế khác

Các loại thuế khác áp dụng theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau theo từng thời kỳ có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

17. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

17.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

17.2. Các bên liên quan

Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN
 (Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày
 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO KỲ KẾ TOÁN KẾT THÚC VÀO NGÀY 30/6/2021

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2021	01/01/2021
- Tiền mặt bằng đồng Việt Nam	1.224.088.464	2.195.404.946
- Tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam	4.907.228.441	17.318.077.503
- Tiền gửi ngân hàng bằng đồng Ngoại tệ	1.402.879.317	1.051.697.613
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	15.000.000.000	15.000.000.000
- Cộng	<u>22.534.196.222</u>	<u>35.565.180.062</u>

Chi tiết tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam

TK số 6222201001011 tại Agribank (CN Quận 5)	1.177.514.499
TK số 112000005358 tại Vietinbank (CN 1 HCM)	630.465.858
TK số 2011103226006 tại MB bank CN Bắc Sài Gòn	52.564.107
TK số 14510000040126 tại BIDV - CN 30/04	230.897.583
TK số 6222201009401 tại Agribank - CN Q.5	1.256.165.781
TK số 5371171756378 tại ngân hàng MB - PGD Nguyễn Trị Phương	739.687.320
TK VND 1114000034026 tại VietinBank	17.425.140
TK VND 6222201002095 tại Agribank	237.836.203
TK VND 6222201142008 tại Agribank	1.452.450
TK VND tại Agribank - TK Ký quỹ	563.219.500
Cộng	<u>4.907.228.441</u>

Chi tiết tiền gửi ngân hàng bằng đồng ngoại tệ

TK số 6222201001057 Tại Agribank (CN Quận 5)	641.779.089 #	27.777,23 USD
TK số 6222201001483 Tại Agribank (CN Quận 5)	8.117.798 #	36.244 JPY
TK số 6222201006832 Tại Agribank (CN Quận 5)	732.010.336 #	26.393 EUR
TK số 102020000012972 Tại Vietinbank (CN1 HCM)	20.972.094 #	907,49 USD
Cộng	<u>1.402.879.317</u>	



TỔNG CÔNG TY VẠN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2021
(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)
Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

Mẫu số B 09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính	30/06/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	4.854.084.002	-	4.854.084.002	4.854.084.002	-	4.854.084.002
Công ty TNHH MTV Phim Nguyễn Đình Chiểu	4.854.084.002	-	4.854.084.002	4.854.084.002	-	4.854.084.002
Vốn góp liên doanh	114.565.470.646	500.000.000	114.065.470.646	114.565.470.646	500.000.000	114.065.470.646
Công ty TNHH MTV Vật Phẩm Văn Hóa Sài Gòn	8.000.000.000	500.000.000	7.500.000.000	8.000.000.000	500.000.000	7.500.000.000
Công ty CP TT Điện Ảnh	29.095.730.646	-	29.095.730.646	29.095.730.646	-	29.095.730.646
Công ty CP In số 4	5.400.000.000	-	5.400.000.000	5.400.000.000	-	5.400.000.000
Công ty CP In số 7	13.500.000.000	-	13.500.000.000	13.500.000.000	-	13.500.000.000
Công ty TNHH TMDV VH Minh Châu	4.608.000.000	-	4.608.000.000	4.608.000.000	-	4.608.000.000
Công ty TNHH Hakuodo - Sac	5.943.120.000	-	5.943.120.000	5.943.120.000	-	5.943.120.000
Công ty TNHH Hakuodo Việt Nam	3.124.500.000	-	3.124.500.000	3.124.500.000	-	3.124.500.000
Công ty CP Bao Bi Vafaco	1.890.000.000	-	1.890.000.000	1.890.000.000	-	1.890.000.000
Công ty CP Phát hành sách Tp.HCM	29.629.320.000	-	29.629.320.000	29.629.320.000	-	29.629.320.000
Công ty CP In & Vật tư Sài Gòn	4.200.000.000	-	4.200.000.000	4.200.000.000	-	4.200.000.000
Công ty CP In Gia Định	4.000.000.000	-	4.000.000.000	4.000.000.000	-	4.000.000.000
Công ty CP Quảng cáo Sài Gòn	1.400.000.000	-	1.400.000.000	1.400.000.000	-	1.400.000.000
Công ty CP In Vườn Lài	1.500.000.000	-	1.500.000.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000
Công ty CP In Hoàng Lê Kha - Tây Ninh	2.274.800.000	-	2.274.800.000	2.274.800.000	-	2.274.800.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15.751.190.000	-	15.751.190.000	15.751.190.000	-	15.751.190.000
Công ty CP Mỹ Thuật Sài Gòn	100.000.000	-	100.000.000	100.000.000	-	100.000.000
Công ty TNHH Quả Cầu Vàng	13.104.000.000	-	13.104.000.000	13.104.000.000	-	13.104.000.000
Công ty CP Sách & DV VH Tây Đô	2.547.190.000	-	2.547.190.000	2.547.190.000	-	2.547.190.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Tiền gửi kỳ hạn 6 tháng tại BIDV - CN 30/04	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	600.000.000	-	600.000.000	300.000.000	-	300.000.000
Trái phiếu dài hạn	600.000.000	-	600.000.000	300.000.000	-	300.000.000

TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN
 (Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày
 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

(Thẻ hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Phải thu của khách hàng

Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	30/06/2021	01/01/2021
* Văn phòng Tổng Công ty	31.240.340.201	31.648.063.548
Công Ty Cổ Phần In Vườn Lài	3.090.000.000	4.190.000.000
Công Ty CP Phát triển Bất động sản HI TIEN LAND	3.193.379.674	3.193.379.674
Công ty Cổ Phần Phát Hành Sách TP.HCM - FAHASA	6.139.419.455	6.999.350.717
Công ty TNHH TM Bách Tùng	10.986.490.982	10.986.490.982
- Các khoản phải thu khách hàng khác	7.831.050.090	6.278.842.175
* Công ty In Văn Hóa Sài Gòn	12.959.027.271	22.722.510.981
Nhà Xuất Bản Giáo Dục Tại Thành Phố Hồ Chí Minh	935.761.058	-
Công Ty TNHH Nts	322.289.440	3.234.000
Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Á Kim	554.249.500	360.947.000
Công Ty TNHH Bao Bì Thông Minh Intbox	250.266.302	175.159.072
Ông Bành Minh Khương	759.541.900	759.541.900
Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Và Phát Triển Thương Mại Hà Anh	1.443.372.063	2.513.575.553
Công Ty Cổ Phần In Khuyến Học Phía Nam	254.584.000	-
Cty Cp Hệ Thống Lọc Tài	261.592.258	261.592.258
Công Ty TNHH Mtv Nhà Xuất Bản Nông Nghiệp	410.764.250	510.764.250
Công Ty TNHH Quảng Cáo Mộc An	295.750.000	328.250.000
Công Ty TNHH Tm & Dv In Quảng Cáo Minh Trí	840.219.620	840.219.620
Cty Cp Dv Tm & Quảng Cáo Sta	413.163.268	413.163.268
Cty TNHH Mtv Trần Chung Á Châu	371.273.352	371.273.352
Công Ty TNHH Mtv Trần Chung Á Châu	884.681.000	884.681.000
Cty Prime Resources Media->Cty TNHH V&T	339.455.602	339.455.602
Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Và Dịch Vụ Vạn An	264.371.097	264.371.097
Phải Thu Khách Hàng In 6	916.568.640	916.568.640
Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Kim Tín	410.876.400	-
Khách Hàng Khác	3.030.247.521	13.779.714.369
* Công ty XNK Ngành In Tp.Hồ Chí Minh	63.716.189.929	70.596.413.919
Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tân Chí Bảo	4.100.000.000	4.100.000.000
Công Ty TNHH Mtv Thương Mại Dịch Vụ In Bao Bì Cuộc Sống Mới	10.350.000.000	10.350.000.000
Công Ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại Đình Thông	4.518.000.000	4.518.000.000
Công Ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Dịch Vụ Phan Gia Huy	1.375.000.000	1.375.000.000
Công Ty TNHH Qsc45 Hoàng Kim Phát	4.375.815.068	3.779.881.730
Công Ty TNHH Dvtm Sang Hoàng Long	4.221.000.000	4.221.000.000
Công Ty TNHH Mtv Tự Động Hóa Hưng Thạnh	6.267.000.000	6.267.000.000
Công Ty Multipack-Cho Thuê Tài Chánh TNHH Mtv Qt Chailease	1.840.000.000	-
Công Ty TNHH Một Thành Viên Tân Á Châu	3.250.000.000	3.250.000.000
Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Tam Hợp	1.694.000.000	-
Công Ty Cổ Phần In & Bao Bì Thái Bình Dương	2.208.215.991	-
Ban Qlduđtbsb Nâng Cao Năng Lực- Cty TNHH Mtv Báo Hải Phòng	4.710.000.000	4.710.000.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	14.807.158.870	28.025.532.189
* Trung tâm dịch vụ giải trí Lê Lợi	-	-
* Trung tâm văn hóa Tân Định	1.006.048.904	-
- Cộng	108.921.606.305	124.966.988.448

8-001
 LÃNH
 NAM
 Y TNHH
 VÀ ĐỊNH
 LON
 D.K
 P HỒ C

TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN
 (Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày
 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

4. Nợ khó đòi và nợ quá hạn

*** Văn phòng Tổng Công ty Văn Hóa**

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nợ khó đòi (TK 131)	5.200.179.668	1.588.582.471	5.200.179.668	102.033.160
Xí nghiệp In Số 3 chuyển về Tcty năm 2004	798.003.856	797.853.706	798.003.856	84.033.160
Cty Vật phẩm VH chuyển về Tcty năm 2008	194.653.298	181.729.925	194.653.298	18.000.000
Công Ty CP Phát triển BDS Hi Tien Land	3.193.379.674		3.193.379.674	
Công ty CP Quốc Tế Hoa Việt				
Công ty TNHH TMDV Phụng Sơn	608.998.840	608.998.840	608.998.840	
Công ty CP Đầu tư Đô thị Á Châu	330.000.000		330.000.000	
Khách hàng khác	75.144.000		75.144.000	
Nợ khó đòi (TK dư Nợ 331)	9.910.852.442	3.254.021.054	9.910.852.442	2.969.590.000
Công Ty Cổ Phần CT Phương Nam	8.759.265.042	2.500.000.000	8.759.265.042	2.500.000.000
CN Cty TNHH Hãng kiểm toán AASC	16.500.000		16.500.000	
Công Ty CP XD số 5	1.124.000.000	754.021.054	1.124.000.000	469.590.000
Công ty TNHH công nghệ A.N.S.I	11.087.400		11.087.400	
Nợ khó đòi (TK 1388)	1.304.596.712	76.791.264	1.304.596.712	
Công Ty CP Mai Lan	1.219.416.008		1.219.416.008	
Khách hàng khác	85.180.704	76.791.264	85.180.704	
- Cộng	16.415.628.822	4.919.394.789	16.415.628.822	3.071.623.160

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nợ quá hạn (TK 131)	13.036.328.896	-	13.036.328.896	-
Công ty TNHH TM Bách Tùng	10.986.490.982		10.986.490.982	
Công ty TNHH Emka	1.003.945.250		1.003.945.250	
Công ty TNHH Phan Thanh	645.843.541		645.843.541	
Công ty TNHH MTV Phim Nguyễn Đình Chiểu	384.867.123		384.867.123	
Khách hàng khác	15.182.000		15.182.000	
Nợ quá hạn (TK 1388)	4.699.630.786		4.699.630.786	
Công ty TNHH MTV Phim Nguyễn Đình Chiểu	4.591.136.689		4.591.136.689	
Công ty TNHH TM Vina	108.494.097		108.494.097	
- Cộng	17.735.959.682	-	17.735.959.682	-

TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN
 (Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày
 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

(Thẻ hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

*** Công ty In Văn Hóa Sài Gòn**

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nợ khó đòi	4.635.276.537	232.775.800	4.635.276.537	232.775.800
Công Ty CP DV TM & Quảng Cáo Sta	413.163.268		413.163.268	
Công ty TNHH MTV Trần Chung Á Châu	371.273.352		371.273.352	
Công ty Prime Resources Media	339.455.602		339.455.602	
Công ty TNHH SX & TM BBVPVHXD Minh Việt Long	184.854.900	184.854.900	184.854.900	184.854.900
Công ty TNHH MTV Chung Bình Minh	47.920.900	47.920.900	47.920.900	47.920.900
Phải thu khách hàng in 6	916.568.640		916.568.640	
Phải thu khác in 6 (TK 1388)	563.423.499		563.423.499	
Các khoản phải trả phải nộp khác dư nợ in 6 (TK 3388)	157.707.195		157.707.195	
Khách hàng khác	1.640.909.181		1.640.909.181	
Nợ quá hạn	3.144.403.138	454.164.162	3.144.403.138	454.164.162
Công Ty TNHH TM & DV In QC Minh Trí	840.219.620	100.000.000	840.219.620	100.000.000
Công ty TNHH SX TM & DV Vạn An	264.371.097	264.371.097	264.371.097	264.371.097
Công ty CP Ứng Dụng Công Nghệ Xuân Huy	30.656.001	21.459.201	30.656.001	21.459.201
Công ty TNHH IT Code	52.290.000	26.145.000	52.290.000	26.145.000
Tạp chí nông thôn mới - CQĐD phía Nam	53.745.000	26.872.500	53.745.000	26.872.500
Khách vãng lại - Trầm Lê	21.880.520	15.316.364	21.880.520	15.316.364
Khách hàng khác	1.881.240.900		1.881.240.900	
- Cộng	7.779.679.675	686.939.962	7.779.679.675	686.939.962

*** Công ty XNK Ngành In Tp.Hồ Chí Minh**

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nợ khó đòi	2.454.327.659	645.867.750	2.454.327.659	645.867.750
Anh A Mạnh (Campuchia)	393.000.000		393.000.000	
Pictoriala Inc	111.700.000		111.700.000	
Công Ty Cp Tm Dv Xnk Phước Lộc Thọ	380.000.000	115.867.864	380.000.000	115.867.864
Công Ty TNHH TV SX & TM Thủy Nguyệt	529.999.886	529.999.886	529.999.886	529.999.886
Công ty TNHH Quảng Cáo Hoàng Hà	200.000.000		200.000.000	
Khách hàng khác	839.627.773		839.627.773	
Nợ không có khả năng thanh toán	3.218.285.838		3.218.285.838	
Công Ty Cổ Phần In Trần Hưng	380.000.000		380.000.000	
Công ty TNHH MTV In Ấn Bao Bì Lê Gia	276.462.935		276.462.935	
Công ty TNHH Quảng Cáo Thanh Long	256.890.699		256.890.699	
Vongseth Printing House	534.167.750		534.167.750	
Khách hàng khác	1.753.764.454		1.753.764.454	
Tk 1388 - Nguyễn Văn Bánh	17.000.000		17.000.000	
- Cộng	5.672.613.497	645.867.750	5.672.613.497	645.867.750

TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN
 (Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày
 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

(Thẻ hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

5. Trả trước cho người bán

5.1. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2021	01/01/2021
* Văn phòng Tổng Công ty Văn Hóa	308.120.140	308.128.640
Cục thi hành án dân sự Q1	50.094.556	50.094.556
Công ty CP xây dựng và kinh doanh Địa ốc III	70.902.784	70.902.784
Văn phòng luật sư Chiêu Dương	150.000.000	175.000.000
- Các khoản phải trả trước cho người bán khác	37.122.800	12.131.300
* Công ty In Văn Hóa Sài Gòn	12.500.000	1.356.600
Phạm Nguyễn Duy Tài	12.500.000	
Công ty CP Cấp nước Phú Hòa Tân		1.356.600
* Công ty XNK Ngành In Tp.Hồ Chí Minh	14.902.175.800	4.240.589.600
Công Ty TNHH Dvtm Sang Hoàng Long	308.000.000	308.000.000
Công Ty TNHH Tm Dv Xnk Hữu Sang	302.500.000	
Care Graphic Machinery Ltd	3.754.806.600	
Printing And Graphic Machinery Limited	9.260.796.600	
Yoshida Kizai Co, Ltd	605.668.000	605.668.000
Alcon Id Srl		1.472.432.000
Shin Chyi Enterprise Co, ; Ltd		525.563.000
- Các khoản phải trả trước cho người bán khác	670.404.600	1.328.926.600
- Cộng	15.222.795.940	4.550.074.840

5.2. Trả trước cho người bán dài hạn

	30/06/2021	01/01/2021
Công Ty Cổ Phần CT Phương Nam	16.884.867.505	16.884.867.505
CN Cty TNHH Hãng kiểm toán AASC	16.500.000	16.500.000
Công Ty CP Xây Dựng Số 5	1.124.000.000	1.124.000.000
- Cộng	18.025.367.505	18.025.367.505

6. Các khoản phải thu khác

6.1. Các khoản phải thu khác ngắn hạn

	30/06/2021	01/01/2021
- Ký cược, ký quỹ	-	1.375.315.800
- Các khoản tạm ứng	1.501.025.853	1.463.602.284
- Bảo hiểm thất nghiệp nộp thừa	57.757.342	2.108.279
- Phải trả, phải nộp khác dư Nợ	232.425.410	503.313.785
- Phải thu khác	47.177.213.263	45.470.357.628
+ Công Ty Cổ Phần In Số 4	16.200.000.000	16.200.000.000
+ Công ty CP In Số 7	3.915.000.000	3.915.000.000
+ Công Ty CP Quốc Tế Truyền thông (IMC)	2.450.000.003	3.082.711.390
+ Cty TNHH MTV Phim Nguyễn Đình Chiểu	3.473.636.689	3.473.636.689
+ Phải thu đối tượng khác	21.138.576.571	18.799.009.549
- Cộng	48.968.421.868	48.814.697.776



TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN
 (Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2021
 (Thẻ hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)
 Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

6.2. Các khoản phải thu khác dài hạn

	30/06/2021	01/01/2021
- Ký cược, ký quỹ	23.000.000	23.000.000
- Phải thu khác	132.099.595.693	136.279.875.207
+ Công ty CP Quốc Tế Truyền thông	125.106.695.694	125.106.695.694
+ Công ty CP Sài Gòn Quê Hương	5.375.399.999	9.555.679.513
+ Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Nam Việt Thành	-	-
+ Công ty CP GT- Phát hành phim - Rạp chiếu phim Ngôi Sao	500.000.000	500.000.000
+ Công ty TNHH MTV Phim Nguyễn Đình Chiểu	1.117.500.000	1.117.500.000
- Cộng	<u>132.122.595.693</u>	<u>136.302.875.207</u>

7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	1.868.415.315	(38.853.951)	2.176.762.630	(38.853.951)
- Chi phí SXKDDD	334.284.009	-	1.045.965.799	-
- Thành phẩm nhập kho	1.037.503.860	-	1.873.899.389	-
- Giá mua hàng hóa	48.691.977.671	(2.000.000.000)	49.687.182.240	(2.000.000.000)
- Cộng	<u>51.932.180.855</u>	<u>(2.038.853.951)</u>	<u>54.783.810.058</u>	<u>(2.038.853.951)</u>

8. Xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2021	01/01/2021
- Mua sắm tài sản cố định	335.720.000	335.720.000
- Xây dựng cơ bản dở dang	8.494.534.003	8.494.534.003
+ Công trình 1557 đường 3/2	4.565.063.636	4.565.063.636
+ Công trình 63 - 65 Châu Văn Liêm	959.372.727	959.372.727
+ Hỗ trợ di dời In Văn Hóa	2.970.097.640	2.970.097.640
- Cộng	<u>8.830.254.003</u>	<u>8.830.254.003</u>

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	588.955.216.491	78.020.228.017	5.828.070.898	11.937.658.728	684.741.174.134
Mua trong năm					-
Thanh lý, nhượng bán		(13.272.393.403)			(13.272.393.403)
Giảm khác					-
Số dư cuối năm	588.955.216.491	64.747.834.614	5.828.070.898	11.937.658.728	671.468.780.731
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	95.749.834.187	53.343.820.638	5.478.771.671	11.652.426.440	166.224.852.936
Khấu hao trong năm	8.118.247.693	1.544.038.277	94.193.157	65.903.202	9.822.382.329
Thanh lý, nhượng bán		(13.040.682.177)			(13.040.682.177)
Giảm khác					-
Số dư cuối năm	103.868.081.880	41.847.176.738	5.572.964.828	11.718.329.642	163.006.553.088
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	493.205.382.304	24.676.407.379	349.299.227	285.232.288	518.516.321.198
Tại ngày cuối năm	485.087.134.611	22.900.657.876	255.106.070	219.329.086	508.462.227.643

TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN
 (Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày
 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Chi phí thành lập	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm			148.885.000		148.885.000
Mua trong năm					-
Số dư cuối năm	-	-	148.885.000	-	148.885.000
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm			61.443.276		61.443.276
Khấu hao trong năm			6.276.660		6.276.660
Số dư cuối năm	-	-	67.719.936	-	67.719.936
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	-	87.441.724	-	87.441.724
Tại ngày cuối năm	-	-	81.165.064	-	81.165.064

11. Chi phí trả trước

11.1. Chi phí trả trước ngắn hạn

- Các khoản khác
- Cộng

30/06/2021	01/01/2021
2.678.215.779	1.366.767.801
2.678.215.779	1.366.767.801

11.2. Chi phí trả trước dài hạn

- Tiền thuê đất
- Tiền thuê cơ sở hạ tầng
- Các khoản khác
- Cộng

30/06/2021	01/01/2021
39.653.478.520	39.844.859.699
25.663.396.536	25.663.396.536
2.851.136.888	2.811.937.866
68.168.011.944	68.320.194.101

12. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

- Thu trên vốn
- Thuế thu nhập cá nhân
- Cộng

30/06/2021	01/01/2021
800.574.741	800.574.741
184.584.660	
985.159.401	800.574.741

13. Vay và nợ thuê tài chính

Khoản mục	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn Agribank	58.411.687.411	58.411.687.411	68.537.641.976	68.537.641.976
b) Vay dài hạn Agribank				

14. Phải trả người bán ngắn hạn

*** Văn phòng Tổng Công ty Văn Hóa**

- Công ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Mê Kông
- Các khoản phải trả khách hàng khác

30/06/2021	01/01/2021
6.284.194.431	8.503.149.564
6.210.552.076	8.462.853.636
73.642.355	40.295.928
3.913.963.229	17.720.403.363

*** Công ty In Văn Hóa Sài Gòn**

- Cn Tổng Cty Công Nghiệp In Bao Bì Liksin - Tnhh Mtv Trung Tâm Kinh Doanh
- Cty Cp Giấy Toàn Lực
- Cty Tnhh Một Thành Viên Thu Cường
- Cty Tnhh Tín Nhân
- Công Ty Tnhh Mtv In Báo Nhân Dân Tp.Hcm
- Công Ty Tnhh Sản Xuất Aroma
- Công Ty Tnhh Mtv Năng Lượng An Việt Phát

30/06/2021	01/01/2021
143.440.000	51.048.800
2.982.144.852	3.489.414.609
213.369.360	213.369.360
121.536.030	236.804.854
124.545.548	-
	841.786.260
	717.145.020

TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN
 (Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày
 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

(Thẻ hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Đồng Thịnh Win		2.527.019.000
Cty TNHH Giấy Tín Thịnh Phát		1.128.681.923
Công Ty Cổ Phần In Vườn Lài		590.893.050
Cty TNHH Giấy Minh Cường Phát		441.882.390
Cty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Giấy Mê Kông		361.022.411
Công Ty TNHH Quốc Tế Quảng Cáo Truyền Thông Inca		700.776.404
Cty TNHH Sx Tm Trường Sơn Sài Gòn		329.849.686
Cty Cổ Phần Giấy Cp	51.660.000	4.465.940.780
Nhà Cung Cấp Khác	277.267.439	1.624.768.816
* Công ty XNK Ngành In Tp.Hồ Chí Minh	32.700.189	3.946.220.211
Công ty TNHH XNK TM DV Đăng Khôi	-	3.489.720.107
Công Ty TNHH Xnk Tm Dv Đăng Khôi	4.611	-
Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Isp	19.250.000	-
Tổng Công Ty Văn Hóa Sài Gòn - Công Ty TNHH Mtv	13.445.578	-
Các khoản phải trả khách hàng khác	-	456.500.104
- Cộng	10.230.857.849	30.169.773.138
15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	30/06/2021	01/01/2021
* Văn phòng Tổng Công ty Văn Hóa	3.000.000	3.000.000
Công ty TNHH XNK và TM An Phương	3.000.000	3.000.000
* Công ty In Văn Hóa Sài Gòn	223.511.152	134.325.000
Công ty CP Thiên Minh Book		50.325.000
Khách vãng lai/ Ngô Tấn Tài		44.000.000
Công ty TNHH SX Aroma	190.511.152	-
Khách hàng khác	33.000.000	40.000.000
* Công ty XNK Ngành In Tp.Hồ Chí Minh	6.666.572.000	3.482.647.401
Công Ty Cổ Phần In Amazon	2.444.872.000	
Công Ty Cổ Phần Bao Bì Bình Minh	2.800.000.000	
Công Ty TNHH Sản Xuất Công Nghiệp Pp	441.700.000	
Công Ty Cổ Phần Phát Triển In Việt Nam	500.000.000	
Công Ty TNHH In Và Thương Mại Trần Gia	480.000.000	
Chi Nhánh Công Ty TNHH Rieckermann Việt Nam Tp. Hồ Chí Minh		35.112.000
Công Ty TNHH In Bao Bì Hoàng Hiền		350.000.000
Công Ty TNHH Thương Mại Công Nghiệp Hoàng Phúc		70.000.000
Công Ty TNHH Thiết Kế Và In Kan		210.000.000
Công Ty TNHH Tmsx Kiên Thành		8.839.159
Công Ty TNHH Thiết Kế Và Quảng Cáo Nhất Bản		129.128
Công Ty TNHH Công Nghiệp Và Năng Lượng Việt Nam		648.439.000
Công Ty Cổ Phần In & Bao Bì Thái Bình Dương		2.160.128.114
- Cộng	6.893.083.152	3.619.972.401

TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN
 (Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày
 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại ngày 30/06/2021
- Thuế GTGT đầu ra	368.506.975	3.740.820.914	4.109.327.889	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	104.156.116		104.156.116
- Thuế thu nhập cá nhân	16.331.295	74.430.628	90.761.923	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.401.429.279	3.366.612.959	34.816.320
- Các loại thuế khác	500.000	373.009	373.009	500.000
- Thuế, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	14.000.000	14.000.000	-
- Cộng	385.338.270	7.335.209.946	7.581.075.780	139.472.436

17. Phải trả khác

17.1. Phải trả khác ngắn hạn

	30/06/2021	01/01/2021
- Kinh phí công đoàn;	49.694.944	24.674.208
- Bảo hiểm xã hội;	-	164.400
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	1.836.903.239	1.757.734.759
- Các khoản phải thu khác dư có	1.604.228.423	1.605.873.121
- Cộng	3.543.676.190	3.388.446.488

17.2. Phải trả khác dài hạn

	30/06/2021	01/01/2021
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	5.412.100.000	5.411.100.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	438.111.534.494	442.900.933.471
+ Công ty CP Sài Gòn Quê Hương	312.874.868.818	317.664.267.795
+ Công Ty CP Quốc Tế Truyền thông (IMC)	125.186.665.676	125.186.665.676
+ Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Nam Việt Thành	-	-
+ Công Ty Cổ Phần Quốc Tế C&T	50.000.000	50.000.000
- Cộng	443.523.634.494	448.312.033.471

18. Doanh thu chưa thực hiện

	30/06/2021	01/01/2021
- Doanh thu nhận trước	158.427.369.040	161.134.005.874

104779
 CH
 MI
 CÔNG
 TÀI
 TH
 VẤP

**TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2021
(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)
Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

VIỆT NAM
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vốn chủ sở hữu

Số dư đầu năm trước Tăng vốn trong năm trước Lãi trong năm trước Tăng khác Giảm vốn trong năm trước Giảm khác	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Lãi/(Lỗ) tích lũy	Cộng
	394.167.633.424	263.230.853	43.648.905.002		7.133.758.444	445.213.527.723
	-				713.742.199	713.742.199
					(10.728.052.464)	(10.728.052.464)
Số dư cuối năm trước	394.167.633.424	263.230.853	43.648.905.002	-	(2.880.551.821)	435.199.217.458
Số dư đầu năm nay Tăng vốn trong 6 tháng năm Lãi trong 6 tháng đầu năm Tăng khác Giảm khác	394.167.633.424	263.230.853	43.648.905.002	-	(2.880.551.821)	435.199.217.458
					950.941.544	950.941.544
					-	-
Số dư cuối tháng 6	394.167.633.424	263.230.853	43.648.905.002		(1.929.610.277)	436.150.159.002

TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN
 (Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Doanh thu bán hàng

06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
95.950.556.372	78.573.127.770

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

- Giảm giá hàng bán
 - Hàng bán bị trả lại.
 - Cộng

06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
-	5.600.000
-	-
-	5.600.000

3. Giá vốn hàng bán

- Giá vốn của hàng hóa đã bán
 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
 - Cộng

06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
72.071.404.820	60.536.750.353
-	-
72.071.404.820	60.536.750.353

4. Doanh thu hoạt động tài chính

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay
 - Lãi chênh lệch tỷ giá
 - Cộng

06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
893.813.860	733.374.956
446.108	321.346
894.259.968	733.696.302

5. Chi phí tài chính

- Lãi tiền vay
 - Lỗ chênh lệch tỷ giá
 - Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư
 - Cộng

06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
2.431.337.983	1.148.383.952
-	-
-	-
2.431.337.983	1.148.383.952

6. Thu nhập khác

- Thu bán phế liệu
 - Cổ tức, lợi nhuận được chia
 - Tiền Thu HTKD
 - Thu thanh lý tài sản cố định
 - Các khoản khác
 - Cộng

06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
118.218.181	80.368.455
1.771.400.000	1.836.650.000
862.727.270	691.249.998
477.272.727	-
1.586.787.815	1.568.528.024
4.816.405.993	4.176.796.477

7. Chi phí khác

- Các khoản bị phạt
 - Các khoản khác
 - Cộng

06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
369.390	77.662.890
206.212	116.842
232.286.828	77.779.732

**TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

8.1. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
- Chi phí nhân viên quản lý	2.467.875.312	2.473.452.923
- Chi phí vật liệu quản lý	1.457.427.867	2.061.207
- Chi phí đồ dùng văn phòng	14.335.429	-
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.115.766.985	8.098.307.637
- Thuế, phí và lệ phí	3.995.242.691	2.202.809.823
- Chi phí dự phòng	44.863.000	29.303.534
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.513.064.363	2.791.355.730
- Chi phí bằng tiền khác	1.848.522.270	1.260.442.273
- Cộng	20.457.097.917	16.857.733.127

8.2. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
- Chi phí nhân viên	2.363.402.606	1.558.418.952
- Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	8.944.123	9.443.000
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	67.159.388	3.708.000
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	606.367.944	612.834.959
- Chi phí bảo hành	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.917.210.734	1.208.711.934
- Chi phí bằng tiền khác	450.912.330	536.471.697
- Cộng	5.413.997.125	3.929.588.542

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	60.957.164.075	52.449.818.704
- Chi phí nhân công	9.480.011.406	7.096.749.570
- Chi phí khấu hao TSCĐ	9.808.685.805	10.162.617.858
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.951.243.701	8.626.745.878
- Chi phí khác bằng tiền	5.291.085.285	3.129.725.768
- Cộng	96.488.190.272	81.465.657.778

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	104.156.116	-

Kế Toán Trưởng



HUỲNH THANH TƯỜNG KHANH

Ngày 10 tháng 07 năm 2021

Tổng Giám Đốc



TRƯƠNG VĂN HIỀN